

Số: 105/2024/QĐST-HNGĐ

Tp. Tuyên Quang, ngày 02 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố 02, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Số 108, đường 17/8, tổ dân phố 11, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 110, đường Bình Thuận, tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hoàng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Trần Nam P, sinh ngày 21/10/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hoàng N đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hoàng N đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000316 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Trần Hoàng N không phải nộp án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Vương Thị Lan**

